

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 02 - 2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 427/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lữ Thanh V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 27, tổ 01, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Chúc H, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, tổ 01, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Tổ 14, ấp B Th, xã B Ch, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lữ Thanh V trình bày: Anh và chị H tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào

năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Ch. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, cha mẹ hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh và chị H đã ly thân hơn 04 năm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh V xin ly hôn với chị H.

Con chung: Anh V và chị H chung sống được 01 con chung tên Lữ Thị Thu Ng, sinh ngày 17/10/2009, đang ở với chị H. Ly hôn anh V đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Phan Thị Chúc H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, chị H có bản tự khai đề ngày 16/01/2018 có ý kiến đồng ý ly hôn, xin nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, anh V giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H, giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị H vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa anh V và chị H thế nào thì địa phương rõ do vợ chồng thường đi làm ở xa lâu lâu mới về địa phương. Tuy nhiên thấy chị H và con gái về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 04 năm nay. Tại phiên tòa, anh V cho rằng anh và chị H chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, nên vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh V yêu cầu ly hôn với chị H là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lữ Thị Thu Ng, sinh ngày 17/10/2009, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Ng do chị H chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung nên đề nghị giao con chung cho

chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với pháp luật nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này của anh V.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị H hiện sống tại ấp B Th, xã B Ch, huyện CP, tỉnh An Giang. Anh V khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn chị H được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh V và chị H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Ch, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh V và chị H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Anh V và chị H chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên đã Hn gấn cho anh chị nhiều lần nhưng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa. Đồng thời tại phiên tòa, anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân hơn 04 năm, không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập chị H để tiến hành hòa giải nhưng chị H không đến tham dự, đến ngày 16/01/2018 tại bản tự khai chị H cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn không thể Hn gấn được, chị đồng ý ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy chị H không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lữ Thị Thu Ng, sinh ngày 17/10/2009. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh V đồng ý theo nguyện vọng của cháu Ng là muốn ở với mẹ nên anh đồng ý giao cháu Ng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chị H cũng có yêu cầu được nuôi con. Bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo nguyện vọng của cháu Ng, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lữ Thị Thu Ng, sinh ngày 17/10/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Xét, sự tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ của anh V.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lữ Thanh V được ly hôn với chị Phan Thị Chúc H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Lữ Thị Thu Ng, sinh ngày 17/10/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Lữ Thanh V, bắt đầu từ tháng 02/2018.

Chị H trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Lữ Thanh V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017282 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện CP, anh V còn phải nộp thêm 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã B Ch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Mỹ